

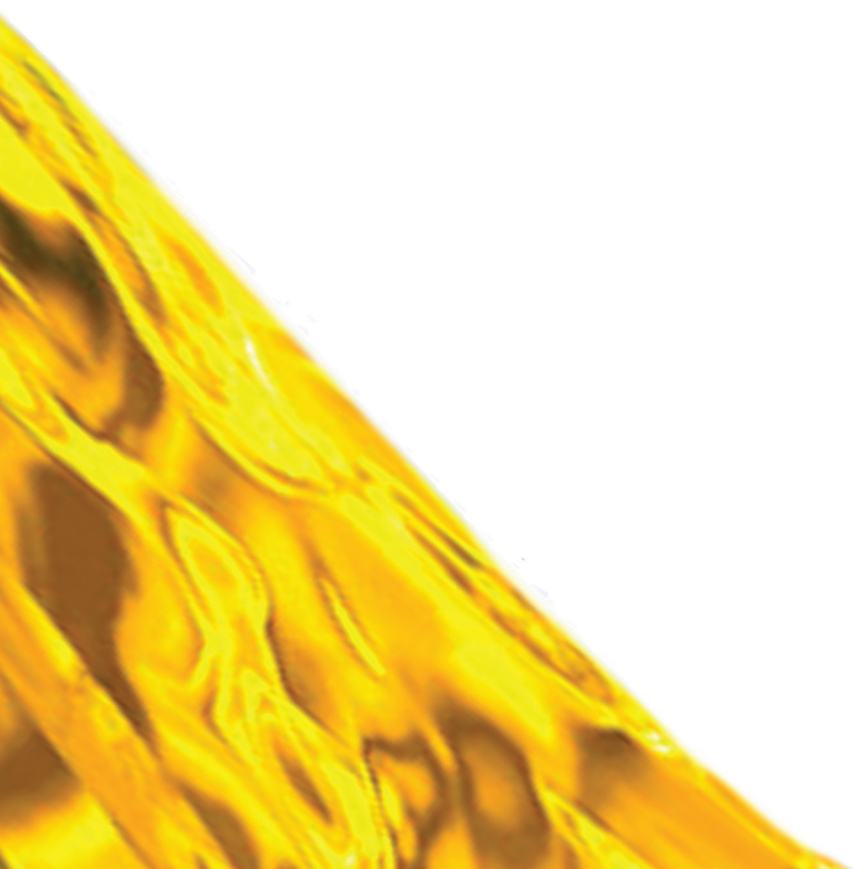


Vững bước cùng bạn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011





MỤC LỤC

• Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.....	4
• Tóm lược lịch sử hoạt động của Công ty.....	6
• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	13
• Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	17
• Báo cáo tài chính.....	25
• Thuyết minh báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	36
• Tổ chức và nhân sự của Công ty.....	66
• Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty	70
• Các thông tin khác	75

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2011 là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn (SFC), trong bối cảnh chịu tác động bởi khó khăn chung và nguyên nhân khách quan của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng nặng nề, phức tạp đến kinh tế xã hội nước nhà; dự báo được những ảnh hưởng trên nên khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2011, HĐQT đã xây dựng các chỉ tiêu rất thận trọng nhưng thực tế diễn ra còn khốc liệt hơn so với dự tính. Đặc biệt, đó là mức thù lao xăng dầu trong năm 2011 quá thấp và thấp hơn kế hoạch đã đề ra, điều này làm ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, phải nhìn nhận trong bối cảnh chung khó khăn như vậy, với sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty SFC vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao và đảm bảo đời sống cho người lao động.

Kết quả kinh doanh đạt được do sự đóng góp chủ lực của ngành hàng kinh doanh chính của Công ty là xăng dầu. Chúng ta bước đầu đã tạo dựng được thương hiệu SFC có uy tín trên thị trường phân phối và đang nỗ lực phấn đấu để trở thành một trong những doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu hàng đầu tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Chúng ta đã chú trọng đặc biệt đến chất lượng phục vụ khách hàng, tổ chức nhiều khóa đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng cho nhân viên và trạm trưởng kinh doanh xăng dầu nhằm đẩy mạnh hoạt động bán lẻ. Trong năm 2011, công tác quản lý công nợ đã được thực hiện tốt và nhìn chung, toàn thể CBCNV đã tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy chế của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng thuê cây xăng tại quận Bình Tân để góp phần mở rộng



mạng lưới bán lẻ của SFC. Trong năm vừa qua, Công ty đã xin ý kiến và nhận được sự đồng ý của Quý cổ đông để chuyển nhượng Công ty TNHH Một Thành Viên Chế Biến Gỗ Tần Phú vì kinh doanh không có hiệu quả. Trong tình hình khó khăn chung của thị trường, thương vụ chuyển nhượng này đã thành công, thu hồi vốn và có lãi, bổ sung thêm nguồn vốn hoạt động cho Công ty. Từ nay, Công ty SFC sẽ tập trung cho hoạt động kinh doanh chủ lực của mình là bán lẻ xăng dầu.

Qua 3 tháng đầu năm 2012 cho thấy, tình hình kinh tế thế giới năm 2012 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường do suy thoái kinh tế vẫn chưa dừng lại. Bên cạnh đó, chính sách quản lý vĩ mô của Nhà Nước đối với mặt hàng xăng dầu cũng còn nhiều bất cập, chưa linh hoạt, đặc biệt là chính sách liên quan đến giá xăng dầu nên chắc chắn sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh chính của SFC. Do đó, Công ty sẽ lựa chọn mục tiêu phát triển năm 2012 trên cơ sở linh hoạt, thích ứng với biến động của nền kinh tế: Vừa đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, đảm bảo an toàn và hiệu quả, phát triển thương hiệu, quản lý tốt công nợ, tiết giảm chi phí, tích cực tìm kiếm các giải pháp để mở rộng mạng lưới phân phối xăng dầu...nâng cao vị thế để trở thành một trong những doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu hàng đầu tại TP.Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam. Trong năm 2012, công ty cũng tiến hành đầu tư nhanh, chất lượng và hiệu quả các dự án như Cao ốc văn phòng SFC tại số 1A Phạm Ngọc Thạch; hoàn tất việc xây dựng Siêu thị ở 68/1 Bình Triệu, Thủ Đức để chuyển giao cho Saigon Coop cũng như sẽ khánh thành Tòa nhà trụ sở công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận vào tháng 6/2012.

Mặc dù kế hoạch kinh doanh năm 2012 đã được xây dựng thận trọng nhưng với tình

**Năm 2011,
Công ty đã thực
hiện được 1.794,619
tỷ đồng doanh thu, vượt
kế hoạch 21,17% và lợi
nhuận trước thuế đạt
39,13 tỷ đồng, vượt
kế hoạch 8,10%.**

hình khó khăn chung của thị trường và cơ chế quản lý Nhà Nước còn nhiều bất cập, những ngày sắp tới sẽ hết sức thách thức với Công ty SFC. Vì vậy, tôi kêu gọi sự tập trung, đoàn kết và nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CBCNV Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi cũng xin trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, các đối tác, quý vị khách hàng và toàn thể CBCNV - những người đã tin nhiệm, ủng hộ, đồng hành, sát cánh và chung sức làm nên thành công cho Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn ngày hôm nay.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn



NGUYỄN TUẤN QUỲNH

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1. VIỆC THÀNH LẬP CÔNG TY:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Cty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những DN đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 22/06/2011.

2. NIÊM YẾT:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty có:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán: SFC.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay: 10.270.378 cổ phiếu.

3. CÁC SỰ KIỆN KHÁC:



Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà Nước, Công Ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những DN đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC).



Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm qua đã xây dựng được uy tín thương hiệu SFC trên thị trường xăng dầu thành phố và đưa đến một sự kiện đặc biệt là việc ký kết "Hợp Đồng trao quyền ưu tiên lựa chọn cung ứng nhiên liệu" giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn với Công ty TNHH BP Oil International vào ngày 20/12/2001.



2004

Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán ngày 21/09/2004 (tại Trung tâm GDCK TP.HCM nay là Sở Giao Dịch CK TP.HCM), chỉ sau 4 năm cổ phần hóa, với mã giao dịch là SFC, là 1 trong 20 doanh nghiệp lên sàn đầu tiên của Thành Phố.



2007

Vốn điều lệ Công ty vào ngày đầu thành lập là 17 tỷ đồng (01/10/2000), trong đó vốn Nhà nước chiếm 20% do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA - tiền thân là Sở Thương Nghiệp TP. HCM nắm giữ).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh (văn bản số 7518/UBND-CNN), vào ngày 06/12/2007, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã chuyển phần vốn Nhà Nước đang nắm giữ sang Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO) - Đơn vị trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Thành ủy nay là Cơ quan Văn phòng Thành ủy và là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu có uy tín trên thị trường xăng dầu cả nước.

Ngoài ra, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 17 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng, đem lại gần 25 tỷ đồng vốn thặng dư; đồng thời tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con) từ 7,9 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã hoàn thành 2 đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên 45,9 tỷ đồng (ngày 12/05/2009) và lên 81 tỷ đồng (ngày 11/12/2009); đồng thời tăng vốn điều lệ cho Cty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú từ 10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.



Công ty CP Nhiên Liệu SG tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ đồng lên 102,7 tỷ đồng (vào tháng 07/2010).

Như vậy, chỉ trong 4 năm gần đây, vốn điều lệ Công ty đã tăng một cách nhanh chóng, từ 17 tỷ đồng lên 102,704 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần (604,11%). Vốn điều lệ của Công ty con cũng tăng nhanh tương tự: Từ 5,05 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng, tăng 3,6 lần (356,43%).

Cũng trong năm 2010, Công ty thành lập mới Chi Nhánh SFC Đồng Tháp gồm 2 Trạm Kinh doanh Xăng dầu số 22 và 23 tại thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Suốt chặng đường xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân viên Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã nỗ lực không ngừng để Công ty vững bước đi lên, khẳng định thương hiệu SFC trên thị trường, được Đảng và Nhà Nước tặng nhiều phần thưởng cao quý, mà phần thưởng vinh dự nhất đánh dấu Lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty và 10 năm cổ phần hóa là Công ty được Chủ Tịch Nước phong tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhì trong tháng 09/2010.



Ngày 26/02/2011 Công ty khởi công xây dựng Cao ốc Văn Phòng Công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận với qui mô 6 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.454 m²; đồng thời chính thức chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Chế biến gỗ Tân Phú kể từ 01/10/2011.

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, khí đốt, bếp gas; dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu; sản xuất và lắp ráp bếp gas các loại;
- Mua bán sản phẩm gỗ, thu mua nguyên vật liệu và sản xuất chế biến hàng mộc; thu mua chế biến hàng nông, thủy hải sản;
- Mua bán hàng Công nghệ phẩm, thực phẩm, rau quả tươi sống, nước tinh khiết, nước giải khát các loại, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng; Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở. Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp. Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; Đại lý bảo hiểm;
- Nhập khẩu: Gỗ nguyên liệu, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng mộc, nông, thủy hải sản; Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas;
- Xuất khẩu: Hàng mộc tinh chế.

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:

Trong môi trường cạnh tranh quyết liệt và đặc biệt là phải đương đầu với những khó khăn từ hậu quả nặng nề của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế trong những năm gần đây, nhưng bằng nỗ lực và quyết tâm tập thể CB NV Công ty đã vững vàng vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường và gặt hái được những kết quả kinh doanh đầy ấn tượng trong 11 năm qua: Tỷ lệ cổ tức thực hiện tăng đều qua từng năm - Từ 2,4%/Quý 4 năm 2000, đến 15,2%/năm 2004 và bình quân đạt gần 24% trong ba năm gần đây (2009 - 2011).

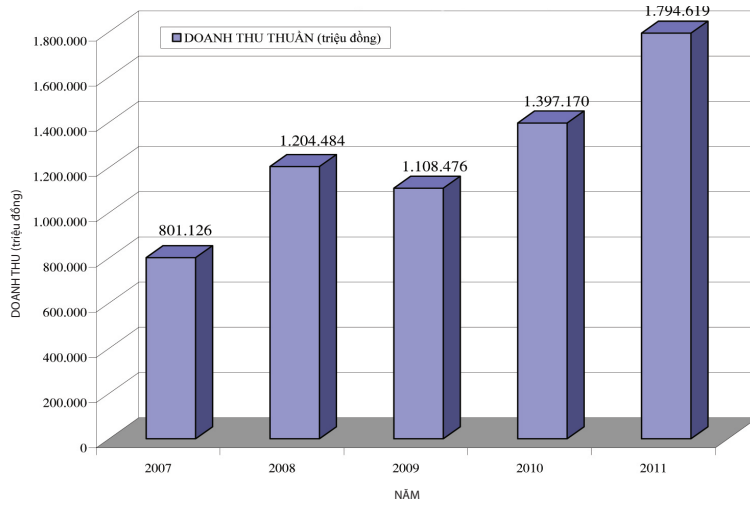
Sau hơn 11 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một Công ty cổ phần kinh doanh thương mại dịch vụ đa ngành với vốn điều lệ đạt 102,704 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản trên 212 tỷ đồng, doanh thu và hiệu quả của Công ty luôn tăng trưởng, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn ĐL liên tục đạt bình quân 56,5% trong nhiều năm gần đây; và đến nay, thương hiệu SFC đã chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, khẳng định được vị trí trên thị trường xăng dầu, gas và cũng là một trong những Công ty cổ phần có giá trị cổ phiếu giao dịch tương đối ổn định trên thị trường chứng khoán.

Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:

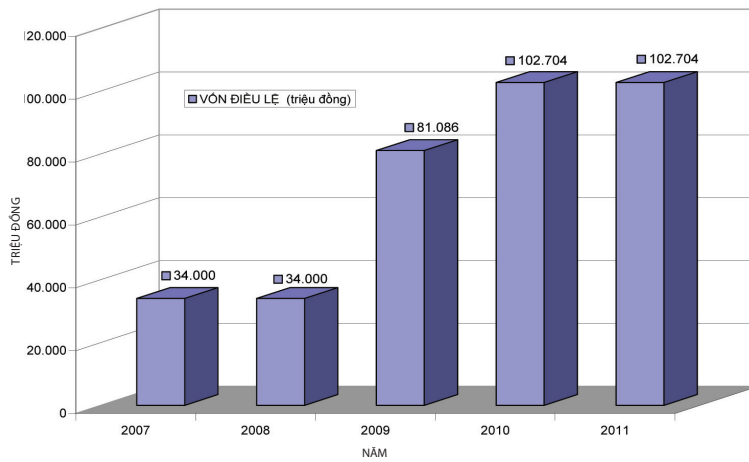
Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu thuần	801.126	1.204.484	1.108.476	1.397.170	1.794.619
Lợi nhuận từ KD	9.519	20.043	52.433	72.737	38.642
Lợi nhuận khác	70	2.367	1.315	247	491
Lợi nhuận trước thuế	9.588	22.410	53.748	72.984	39.133
Lợi nhuận sau thuế	8.348	16.721	44.478	55.143	29.510
Tổng tài sản	143.292	135.097	242.584	219.287	212.397
Nguồn vốn chủ sở hữu	34.000	34.000	81.086	102.704	102.704

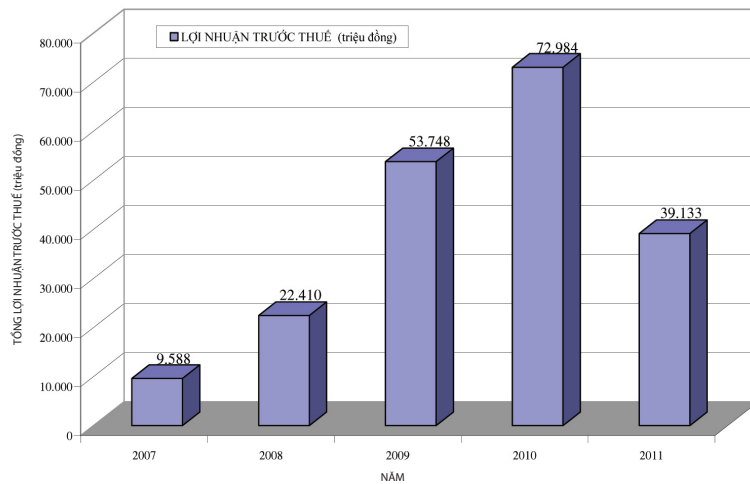
BIỂU ĐỒ DOANH THU CÔNG TY SFC (2007-2011)



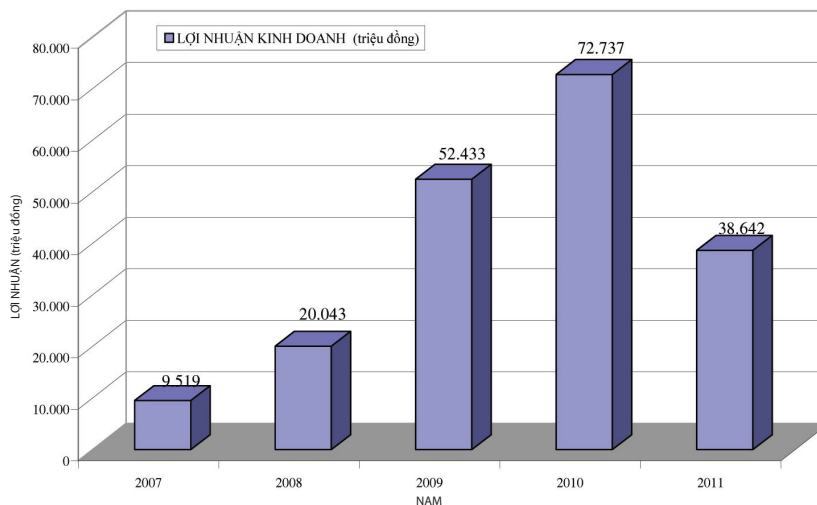
BIỂU ĐỒ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY SFC (2007-2011)



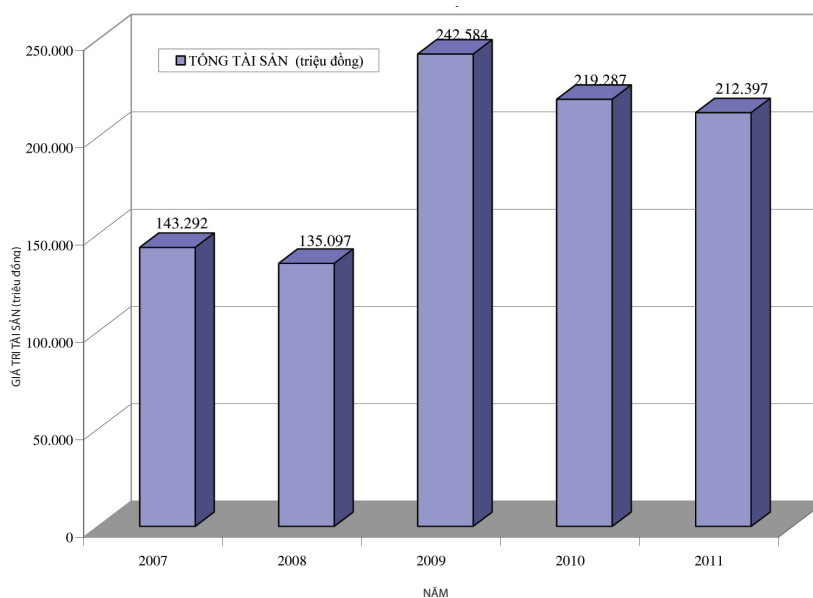
BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (2007-2011)



BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KD CHÍNH (2007-2011)



BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC (2007-2011)



III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2012 của SFC:

Chỉ tiêu	
Tổng doanh thu	1.909 tỷ đồng
Tổng tài sản đạt	306,447 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	24,70 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	18,50 tỷ đồng
Số Dự án đầu tư xây dựng Cao ốc Văn phòng, Siêu thị đang thực hiện.	02

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011:

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị đã xây dựng chiến lược phát triển vào các nhiệm vụ trọng tâm như nâng cao năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động, củng cố bộ máy tổ chức, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực và tập trung thực hiện kế hoạch đầu tư các dự án đã được ĐHQĐ phê duyệt cho nhiệm kỳ 2008 - 2012. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Hội đồng Quản trị đã định hướng tập trung đẩy mạnh bán lẻ nhằm phát triển thị phần, phấn đấu trở thành một trong những công ty kinh doanh bán lẻ hàng đầu tại TP bằng các biện pháp cụ thể như: đầu tư mở rộng mạng lưới, nâng cấp chính trang mạng lưới bán hàng; xây dựng văn hóa bán hàng Công ty; cải tiến mô hình tổ chức bộ máy quản lý, chú trọng công tác tiền lương, đào tạo, khen thưởng...vì vậy, lượng bán lẻ xăng dầu năm 2011 tăng cao nhất trong nhiều năm qua là 6,5 triệu lít đây là con số đáng được ghi nhận.
- Triển khai và thực hiện dự án Cao ốc Văn phòng 146E Nguyễn Đình Chính quận Phú Nhuận và Siêu thị Co.op Mart Bình Triệu tại số 68/1 Quốc lộ 13 P.Hiệp Bình Chánh quận Thủ Đức. Mời gọi hợp tác đầu tư các dự án Cao ốc Văn phòng 1A Phạm Ngọc Thạch Q.I và Căn hộ Thương mại 105 Lê Lợi quận Gò Vấp .
- Ký Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán xăng dầu qua thiết bị thanh toán thẻ giữa SFC và Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank), nhằm đa dạng hóa hình thức thanh toán tạo thuận lợi và thu hút thêm khách hàng.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các định chế quản lý giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Trong năm 2011 Cty đã nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung Quy chế bán hàng, Quy chế Tài chính, Quy chế Đầu tư xây dựng cơ bản - Mua sắm tài sản vật tư thiết bị, Quy chế Đấu thầu... cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.
- Công ty tiếp tục cùng với Trung tâm công nghệ phần mềm Sài Gòn (SSP) hoàn thiện các phân hệ Kế toán - Kinh Doanh - Nhân sự, quyết tâm đưa dự án SSP vào sử dụng kể từ 01/01/2012.
- Chương trình 5S được triển khai thực hiện trên toàn bộ mạng lưới kinh doanh đã xây dựng ý thức cải tiến cho mọi người tại nơi làm việc, xây dựng tinh thần đồng đội và phát triển vai trò lãnh đạo tiên phong gương mẫu. Công ty qui định trong khi bán hàng nhân viên phải thực hiện bốn chữ vàng "Cám ơn - Xin lỗi" nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và góp phần hình thành văn hóa bán hàng của Công ty, đồng thời hỗ trợ tích cực công tác quảng bá thương hiệu SFC.
- Tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đây là một trong những giải pháp căn bản nhất, là nền tảng đầu tiên để nâng cao năng lực bộ máy quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo được Công ty chú trọng nhằm nâng cao năng lực CB NV đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, trong năm Công ty đã tổ chức 11 lớp đào tạo cho 772 người với các lớp như: Kỹ năng giao tiếp bán hàng, Thuật bán hàng đỉnh cao, Trung cấp nghiệp vụ xăng dầu...

- Cùng với sự phát triển về sản xuất kinh doanh, Công ty chú trọng việc bảo đảm an toàn sản xuất, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và đời sống, thu nhập của người lao động. Việc đổi mới trong cách thức chi trả cùng với mức lương, thưởng theo Quy chế mới đã tạo không khí phấn khởi, động lực làm việc, tinh thần thi đua và gắn bó với Công ty trong toàn thể CBNV.
- Thị trường chứng khoán diễn biến trầm lắng trong năm qua do sự bất ổn của kinh tế thế giới, để khẳng định giá trị của công ty và góp phần bình ổn giá cổ phiếu trong những giai đoạn khó khăn. Hội đồng Quản trị đã quyết định mua cổ phiếu quỹ vào tháng 5/2011 và tháng 11/2011, mỗi đợt đăng ký mua 200.000 cổ phiếu. Tuy nhiên, do thị trường biến động giá mua không khớp với giá dự kiến nên kết quả giao dịch của hai đợt đăng ký Công ty chỉ mua được 56.640 cổ phiếu.
- Thực hiện chủ trương của ĐHĐCĐ, trong năm qua Công ty đã mua 43.812 CP thưởng từ nguồn quỹ khen thưởng được trích thêm (5%), để thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng cho người lao động, nhằm thu hút nhân tài và giữ chân những cán bộ chủ chốt có năng lực; người lao động giỏi, có tâm huyết với sự phát triển của Công ty.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC:

1. Phân tích môi trường kinh doanh:

Kinh tế thế giới năm 2012 theo dự đoán sẽ tăng trưởng rất thấp do cuộc khủng hoảng nợ công của EU, nền kinh tế Mỹ hồi phục chậm chạp và bong bóng trên thị trường tài chính Trung Quốc cùng một lúc ảnh hưởng lên nền kinh tế thế giới và như vậy kéo theo dự báo nhu cầu tiêu thụ năng lượng sẽ không tăng nhiều so với năm 2011. Trong khi đó, tình hình Trung Đông tiếp tục rối ren, bất ổn về chính trị ít nhiều sẽ tác động làm tăng giá xăng dầu thế giới, nước ta là một trong những nước đang có tốc độ phát triển sẽ bị ảnh hưởng giá xăng dầu nghiêm trọng vì phải nhập khẩu lượng xăng dầu lớn (80% so với nhu cầu sử dụng) phục vụ cho SXKD và tiêu dùng. Tuy nhiên, để kiểm soát lạm phát trong năm 2012 Chính phủ sẽ thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa chặt chẽ thông qua 6 nhóm giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết 11/NQ -CP. Với tình hình kinh tế thế giới và trong nước không khả quan như dự báo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hầu hết hoạt động của các ngành hàng Công ty trong năm 2012.

2. Định hướng chiến lược:

Để thực hiện định hướng chiến lược vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu, hơi gas hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh, mục tiêu phát triển của Công ty trong năm 2012 là tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của ngành hàng truyền thống cốt lõi, phát triển thương hiệu, mở rộng mạng lưới phân phối xăng dầu trên cơ sở chất lượng và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục ổn định ngành kinh doanh dịch vụ bất động sản và tích cực tìm kiếm các giải pháp đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các cá nhân, tổ chức có năng lực phù hợp để khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; đồng thời tiếp tục thực hiện định hướng chiến lược 5 năm: 2008 - 2012 là phần đầu đưa Công ty trở thành 1 tập đoàn kinh doanh đa ngành gồm:

- Kinh doanh nhiên liệu;
- Kinh doanh dịch vụ, bất động sản;
- Đầu tư tài chính.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012:

- **TỔNG DOANH THU** : 1.909 tỷ đồng

Trong đó:

- Kinh doanh chính: 1.872 tỷ đồng.

- Kinh doanh BĐS, đầu tư tài chính và KD khác: 37 tỷ đồng.

- **TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ** : 24,70 tỷ đồng.

Trong đó:

- Kinh doanh chính: 6,89 tỷ đồng.

- Kinh doanh BĐS, đầu tư tài chính và KD khác: 17,81 tỷ đồng.

- **TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ** : 18,50 tỷ đồng.

Trong đó:

- Kinh doanh chính: 5,16 tỷ đồng.

- Kinh doanh BĐS, đầu tư tài chính và KD khác: 13,34 tỷ đồng.

- **TỶ LỆ CỔ TỨC**: Dự kiến tối thiểu **18%** trên vốn điều lệ, trong đó:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu tỉ lệ 8%/VĐL, dự kiến thực hiện vào cuối quý 2/2012.

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu, với tỉ lệ 10%/VĐL, dự kiến niêm yết vào quý 2/2013 (sau khi có báo cáo kiểm toán năm 2012).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011:

Kinh tế thế giới trải qua năm 2011 đầy sóng gió, với một loạt biến động như khủng hoảng nợ công nghiêm trọng tại khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), sự phục hồi “èo uột” của kinh tế Mỹ, đà tăng chậm lại của các nền kinh tế phát triển mới nổi, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát cao, tình hình bất ổn chính trị và thiên tai... làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước và đời sống xã hội, nhu cầu sản xuất, tiêu dùng.

Song song đó, tình hình chính trị bất ổn ở các nước Trung Đông đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả xăng dầu thế giới, để giữ bình ổn giá trong nước Chính phủ đã xử lý bằng nhiều biện pháp như: sử dụng quỹ bình ổn, giảm thuế nhập khẩu trong từng thời điểm, vì vậy trong năm qua giá bán lẻ xăng dầu chỉ được điều chỉnh tăng 2 lần, giảm 2 lần. Điều này dẫn đến thù lao xăng dầu trong năm giảm mạnh, thường xuyên ở mức 150 - 350đồng/lít, thậm chí có lúc chỉ còn 50đồng/lít, đây cũng là mức thù lao thấp kỷ lục trong lịch sử kinh doanh của ngành xăng dầu làm ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty, nhất là làm thu hẹp hoạt động kinh doanh bán buôn, bán sỉ trả chậm của ngành xăng dầu.

Trong năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị định 104/2011/NĐ-CP quy định việc xử phạt hành chính về kinh doanh xăng dầu, nhằm tăng cường hoạt động kiểm tra kiểm soát các đơn vị KDXD thực hiện Nghị định số 84/2009/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 107/2009/NĐ-CP về kinh doanh khí hóa lỏng.

Nhìn chung, trong năm qua với bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn, biến động đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn nói riêng, song với nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận được giao.



Một số chỉ tiêu kinh doanh - tài chính đã thực hiện trong năm 2011 như sau:

1. Doanh thu thuần thực hiện năm 2011: 1.794,619 tỷ đồng, tăng 21,17% so KH năm (1.481 tỷ đồng) và bằng 128,45% so thực hiện năm 2010 (1.397,170 tỷ đồng).

2. Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2011: 39,13 tỷ đồng, tăng 8,10% so KH năm (36,20 tỷ) và bằng 53,62% so thực hiện năm 2010 (72,983 tỷ đồng).

3. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2011 là: 29,51 tỷ đồng, tăng 6,92% so KH năm (27,60 tỷ) và bằng 53,52% so thực hiện năm 2010 (55,143 tỷ đồng).

4. Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên vốn điều lệ (102,704 tỷ): 38,10 %

- Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên vốn chủ sở hữu: 22,49 %

- Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên tổng tài sản: 18,42 %

Kết quả kinh doanh nêu trên được tập trung vào những mảng hoạt động chính của Công ty như sau:

+ Kinh doanh xăng dầu, hơi gas, dầu nhờn,...: đây là mảng hoạt động chủ lực của Công ty, doanh số đạt 1.756,088 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 96,90% tổng doanh số toàn Công ty, đạt 128,69% so KH năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,015 tỷ đồng, đạt 53,49% so KH năm.

Năm qua, Công ty đã tập trung đẩy mạnh bán lẻ bằng nhiều biện pháp như: tăng cường và bố trí lao động vào giờ cao điểm, tăng giờ bán hàng, sửa chữa trang trí các Trạm KDXD theo hệ thống nhận diện thương hiệu SFC. Triển khai thực hiện bốn chữ vàng “Cảm ơn-Xin lỗi” tạo ấn tượng tốt và thu hút khách hàng; hợp tác với Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành thẻ bán xăng dầu “SFC - Vietinbank” nhằm đa dạng hình thức thanh

toán cho khách hàng... kết quả cuối năm Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và sản lượng ở tất cả các mặt hàng kinh doanh: xăng dầu, gas, nhớt,... Tổng lượng xăng dầu của Công ty bán ra trong năm 2011 đạt 101,14% KH năm và tăng 7,18% so cùng kỳ; trong đó riêng lượng xăng dầu bán lẻ tăng 6,5 triệu lít so với thực hiện năm trước. Tuy nhiên, do thù lao các đầu mối giao cho Công ty giảm mạnh nhất là những tháng đầu năm nên lợi nhuận kinh doanh ngành hàng xăng dầu không đạt KH.

+ Kinh doanh ngành hàng gỗ:

Năm 2011, các Doanh nghiệp ngành gỗ tiếp tục phải đương đầu với việc thị phần bị thu hẹp, đơn hàng không ổn định, giá cả nguyên liệu gỗ tăng đột biến trong khi thị trường đầu ra bị cạnh tranh ép giá nên hoạt động SXKD của Công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Tân Phú gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận. Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông nhằm tập trung vốn đầu tư vào các dự án sẽ triển khai trong năm 2012, Công ty SFC đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Tân Phú kể từ 01/10/2011, lợi nhuận trước thuế thu được từ việc chuyển nhượng là 6,211 tỷ đồng.

+ Kinh doanh dịch vụ: Công ty đã tận dụng khai thác hầu hết các diện tích mặt bằng trong thời gian chờ đợi triển khai các dự án. Hoạt động kinh doanh của mảng này cũng đóng góp đáng kể vào doanh thu (thực hiện 8,163 tỷ đồng đạt 108,84% KH, bằng 110,40% so cùng kỳ) vào hiệu quả chung của toàn Công ty.

+ Hoạt động tài chính:

Công ty đã quản lý chặt chẽ dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD và đầu tư cho các ngành hàng, đồng thời tính toán tận dụng vốn trong từng thời điểm để tăng lợi nhuận cho Công ty. Năm qua, hoạt động tài chính đã đóng góp rất lớn vào thực hiện KH lợi nhuận của Công ty, lợi nhuận thu được là 10,708 tỷ đồng, tăng 251,08% so với KH.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

5. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính qua các năm:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Khả năng sinh lời:					
Lợi nhuận ròng/ Vốn CSH ROE	%	19,84	33,54	33,65	16,96
Lợi nhuận ròng/ Tổng Tài sản ROA	%	12,38	18,34	23,83	13,89
Thu nhập ròng/ Cổ phiếu- EPS	đồng	4.918	5.040	5.341	2.874
Khả năng thanh toán:					
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,69	2,21	3,43	5,53
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,74	1,57	2,37	3,64
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,72	0,76	1,91

Nhìn chung các chỉ số tài chính của SFC thể hiện sự ổn định và an toàn trong điều kiện kinh doanh:

Tỉ lệ ROE năm 2011 giảm so với các năm trước nguyên nhân:

- Biến động nền kinh tế thế giới, tình hình chính trị bất ổn ở các nước Trung Đông đã ảnh hưởng đến giá cả xăng dầu, điều này dẫn đến thù lao xăng dầu trong năm 2011 giảm mạnh tác động đến hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu nói chung và Cty CP Nhiên liệu Sài Gòn nói riêng.
- Trong năm 2011, tình hình kinh doanh bất động sản bị đóng băng tác động đến kết quả đầu tư kinh doanh bất động sản của SFC, dẫn đến lợi nhuận ròng giảm đáng kể so với các năm (giảm 32,15% so với năm 2009 và 81,32% so với năm 2010).

Trước những khó khăn trên, Công ty đã cấu trúc nguồn vốn một cách khoa học thể hiện qua công tác tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Thông qua các chỉ số khả năng thanh toán tăng dần cho thấy Công ty luôn đảm bảo tính thanh khoản cao.

Trong từng thời kỳ, với sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn lựa chọn mục tiêu phát triển trên cơ sở linh hoạt,

thích ứng với biến động của nền kinh tế, từ đó công ty luôn hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh so với kế hoạch hằng năm.

6. Tình hình thực hiện các dự án:

- Chuyển nhượng bất động sản:

Do thị trường bất động sản vẫn tiếp tục đóng băng, cùng với chủ trương thắt chặt tín dụng, kiểm chế lạm phát của Chính Phủ đã ảnh hưởng nặng nề đến thị trường bất động sản. Vì vậy, trong năm Công ty chỉ chuyển nhượng được 03 căn nhà 185 Bến Chương Dương, quận 1; 94 Calmette, quận 1 và 183/4 Trường Chinh, quận 12, với tổng trị giá 30,368 tỷ đồng, đem lại 7,286 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt 93,41% so KH năm (7,8 tỷ đồng).

- Các dự án khác:

+ Dự án Cao ốc Văn phòng Công ty SFC tại 146E Nguyễn Đình Chính quận Phú Nhuận: Công ty đã tiến hành khởi công xây dựng Cao ốc với quy mô 6 tầng và tổng diện tích sàn xây dựng 1.454m². Hiện nay Công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện.

+ Dự án Siêu Thị tại 68/1 Quốc lộ 13 Bình Triệu, Thủ Đức: Công ty đã tiến hành ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng Siêu thị với Cty CP Đầu Tư Phát triển Saigon Coop, với quy mô

xây dựng 1 trệt, 1 lầu. Tổng diện tích sàn XD: 7.010m², trong đó diện tích khu vực kinh doanh là 5.810m². Ngày 17/01/2012 Công ty làm lễ động thổ và khởi công Công trình, hiện đang trong giai đoạn san lấp, ép cọc, chuẩn bị các bước cần thiết để thi công phần khung.

- + Dự án Cao ốc văn phòng tại 01A Phạm Ngọc Thạch Q1: Công ty đã hoàn tất các thủ tục xin các chỉ tiêu quy hoạch, thiết kế, thẩm định,.. và được Sở xây dựng TP cấp phép xây dựng Cao ốc với quy mô 9 tầng và 2 tầng hầm, tổng diện tích sàn xây dựng 4.951,62m², thời gian thuê đến năm 2046. Công ty đang tích cực tìm nhà đầu tư hợp tác triển khai dự án cao ốc văn phòng trong thời gian sớm nhất.
- + Dự án căn hộ thương mại 105 Lê Lợi Q.Gò Vấp: đã được UBND TP chấp thuận chủ trương xây dựng căn hộ thương mại, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cho dự án. Công ty đang xúc tiến tìm đơn vị hợp tác có khả năng thực hiện dự án.

7. Phát triển Trạm Xăng dầu:

Để mở rộng mạng lưới bán lẻ, trong năm Công ty đã thuê mặt bằng của DNTN Vạn Phước, thời hạn 10 năm và chính thức đưa vào hoạt động kể từ tháng 3/2011 đổi tên thành Trạm KDXD số 24 (tại 64 Lũy Bán Bích quận Tân Phú), nâng số điểm bán thuộc mạng lưới Công ty lên 19 Trạm Kinh Doanh Xăng Dầu. Đồng thời, công ty tập trung sửa chữa, nâng cấp các Trạm KDXD trong hệ thống nhằm tăng khả năng cạnh tranh, quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng.

8. Hoạt động đầu tư tài chính:

Vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác trong năm 2011 tiếp tục duy trì mức 10.396.000.000 đồng như năm 2010, cụ thể gồm:

- Cty CP Cà Phê Petec: Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng, dự kiến cổ tức năm 2011 là: 15%
- Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định: Số lượng

CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng. dự kiến cổ tức năm 2011 là: 6%.

- Cty CP Năng lượng Đại Việt: Số lượng CP: 10.000 CP, trị giá đầu tư 100.000.000 đồng, dự kiến chuyển nhượng vào tháng 2/2012.

9. Cổ tức:

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2011 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 phê chuẩn, trong năm 2011 Công ty đã tạm ứng chi cổ tức như sau:

- Đợt 1/2011 (5/2011): Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 4% trên VĐL 102,704 tỷ đồng.
- Đợt 2/2011 (4/2012): Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 12% trên VĐL 102,704 tỷ đồng. Như vậy, tổng số cổ tức năm 2011 đã thực hiện có tỷ lệ là 16% trên VĐL.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2012:

Thị trường bán lẻ xăng dầu, hơi gas ở Thành phố Hồ Chí Minh - một thành phố lớn luôn dẫn đầu cả nước về tốc độ phát triển kinh tế, xã hội - là một thị trường hấp dẫn hiện tại và nhiều tiềm năng trong tương lai. Tuy nhiên, tình hình kinh tế, chính trị thế giới từ năm 2011 kéo dài đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp, nhiều bất ổn, đẩy giá dầu mỏ tăng vọt, gây tác động tiêu cực đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội trong nước và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng dầu, lãi gộp xăng dầu thường xuyên ở mức thấp và khó có thể tăng cao khi Nhà nước áp dụng các biện pháp kiểm chế lạm phát trong nước. Đồng thời, với chủ trương đưa giá thuê đất của nhà nước về gần với giá thị trường, xóa dần bao cấp đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất lãng phí không đúng mục đích... Chính phủ đã ban hành nghị định 121/2010/NĐ-CP điều chỉnh tăng tiền thuê đất đối với các doanh nghiệp đang thuê đất của Nhà nước, như vậy với quy định mới này giá thuê đất ở các điểm bán xăng dầu gas của Công ty sẽ tăng bình quân 5 lần so với giá thuê đất trước đây, làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kinh doanh bán lẻ là hoạt động chủ yếu của ngành hàng xăng dầu, chiếm tỷ trọng 82,09% trong tổng lượng xăng dầu bán ra. Do đó, Công ty sẽ tích cực tìm biện pháp đẩy mạnh bán ra như: tiếp tục hoàn thiện việc bố trí hợp lý ca bán hàng, giờ bán hàng, thái độ phục vụ, thực hiện bốn chữ vàng “Cảm ơn - Xin lỗi”... nhằm khai thác một cách tối đa khả năng bán của từng Trạm KDXD tại khu vực; tập trung khai thác bán phiếu cung ứng xăng dầu; cùng với đối tác hoàn thiện chương trình bán XD qua thẻ thanh toán SFC - Vietinbank triển khai sớm để tìm kiếm thêm khách hàng tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Tăng cường bán buôn và bán đại lý đảm bảo đúng quy chế bán hàng, an toàn và hiệu quả... Đồng thời, tiếp tục tập trung xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa các Trạm xăng dầu hiện hữu để nâng cấp mạng lưới kinh doanh, đáp ứng yêu cầu theo quy chuẩn xây dựng trạm KDXD và QĐ 39/UBND của Thành Phố.

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh khó khăn như trên và xuất phát từ định hướng chiến lược của Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc Công ty sẽ tập trung điều hành Công ty theo hướng linh hoạt, thận trọng để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2012, cụ thể như sau:

1. VỀ KINH DOANH:

Ngành xăng dầu, hơi gas, nhớt:

Là hoạt động chủ lực của Công ty: doanh thu kế hoạch 2012 tăng 6,60% và kế hoạch tổng lượng xăng dầu bán ra tăng 3,96% so năm trước.

Ngành KD bất động sản - dịch vụ:

Tích cực tìm kiếm khách hàng để chuyển nhượng 8 căn nhà đã nộp tiền sử dụng đất nhằm sớm thu hồi vốn để bổ sung nguồn vốn đầu tư các dự án đang triển khai trong năm 2012.

Công ty tiếp tục khai thác hoạt động dịch vụ trên mạng lưới hiện có, doanh thu kế hoạch năm 2012 tương ứng 130,70% so thực hiện năm 2011.

Hoạt động Đầu tư tài chính:

Đảm bảo cân đối nguồn vốn một cách tối ưu nhất đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đầu tư cho các Đơn vị, đồng thời tính toán sử dụng vốn hợp lý trong từng thời điểm để mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty.

Theo dõi và báo cáo kịp thời các khoản đầu tư tài chính ở các Công ty CP Petec Cà Phê, Cty CP Đầu tư và Phát triển Gia Định để tham mưu cho HĐQT trong từng thời điểm.

2. THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:



DỰ ÁN SIÊU THỊ CO.OP MART BÌNH TRIỆU

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2007 phê duyệt các Dự án lớn theo kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2008 - 2012, Công ty đã triển khai và tiếp tục thực hiện 2 dự án lớn với tổng vốn đầu tư dự kiến là 57,885 tỷ đồng; trong đó kế hoạch chi phí dự kiến thực hiện trong năm 2012 khoảng 44,263 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Dự án SFC Building tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận:

- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 21,5 tỷ đồng
- Dự kiến chi phí thực hiện trong năm 2012 là: 7,878 tỷ đồng
- Kế hoạch thực hiện năm 2012: Triển khai thực hiện các gói thầu M&E, điều hòa không khí, máy phát điện, thang máy, biến áp... hoàn tất phân khu chức năng cho các Phòng; Dự kiến hoàn tất vào tháng 6/2012 đưa công trình sử dụng.

- Dự án Siêu thị Co.op Mart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức:

- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 36,385 tỷ đồng.
- Dự kiến chi phí thực hiện trong năm 2012 là: 36,385 tỷ đồng
- Kế hoạch thực hiện năm 2012: khởi công xây dựng công trình vào tháng 01/2012, dự kiến bàn giao phần thô cho đối tác vào đầu tháng 8/2012.

3. ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN:

Trong năm dự kiến Công ty sẽ nộp tiền sử dụng đất cho 03 bất động sản gồm: 105 Lê Lợi, quận Gò Vấp; 532 Trần Hưng Đạo, quận 5 và 67 Phú Thọ, quận 11, với tổng số tiền là: 34,469 tỷ đồng.

4. VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI:

- Tiến hành xây dựng sửa chữa lớn các Trạm KD Xăng Dầu và sửa chữa nâng cấp, mua sắm vật tư thiết bị cho mạng lưới bán hàng.
- Phát triển mạng lưới bán xăng dầu bằng nhiều hình thức: Thuê, hợp tác, liên doanh liên kết tại những khu vực có khả năng phát triển thị trường xăng dầu và phù hợp với quy hoạch của Nhà Nước trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.
- Tiếp tục kiến nghị với Thành phố về chính sách giá thuê đất mới, nhằm duy trì mạng lưới kinh doanh xăng dầu, gas của Công ty trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp chặt chẽ với SSP hoàn thiện và chính thức sử dụng phần mềm kế toán và quản trị kinh doanh vào đầu năm 2012.

5. VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH:

- Từng bước cải tiến mô hình tổ chức bộ máy và phương thức quản trị phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển của Công ty và tăng cường năng lực điều hành hệ thống của các cấp quản trị cơ sở.
- Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng Quản trị tiếp tục bổ sung, xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, lương, thưởng (cổ phiếu thưởng), ... cho phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho Công ty và đáp ứng những nhiệm vụ chiến lược.
- Tích cực tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả.
- Đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời đề xuất và ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh.
- Phát triển hoạt động marketing, triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng,

mở rộng thị phần. Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu SFC trên thị trường kinh doanh xăng dầu và từng bước hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu SFC trên hệ thống bán lẻ và Đại lý trực thuộc Công ty.

- Tiếp tục duy trì thực hiện thường xuyên Chương trình 5S trong toàn Công ty nhằm cải tiến môi trường kinh doanh và nơi làm việc, xây dựng ý thức và thói quen làm việc chuyên nghiệp tạo ấn tượng tốt với khách hàng đến với Công ty và tạo điều kiện cho việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sau này.
- Triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 trên toàn hệ thống, qua đó hoàn thiện và xây dựng các Quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy định, hướng dẫn nhằm tăng năng suất lao động, chất lượng quản lý và năng lực quản lý rủi ro.





Vững bước cùng bạn

VietinBank[®]
Nâng giá trị cuộc sống



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.655.187.486	143.932.002.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	73.183.566.385	46.038.019.691
1. Tiền	111		15.183.566.385	11.038.019.691
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	35.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	30.000.000.000	35.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		27.775.665.106	16.316.979.710
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	18.401.514.213	13.271.278.125
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8.779.162.429	2.764.571.131
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	1.176.498.464	945.853.204
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(581.510.000)	(664.722.750)
IV. Hàng tồn kho	140		8.376.618.229	45.522.589.155
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.376.618.229	45.522.589.155
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		319.337.766	1.054.414.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.467	900.123.160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	319.291.299	154.290.988

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		72.742.221.437	75.354.896.498
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		35.249.589.052	50.708.896.498
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	11.747.982.157	11.369.112.664
<i>Nguyên giá</i>		222		31.655.382.033	30.804.874.031
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(19.907.399.876)	(19.435.761.367)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	6.976.685.654	13.099.973.430
<i>Nguyên giá</i>		228		7.687.895.573	13.671.826.095
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(711.209.919)	(571.852.665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	16.524.921.241	26.239.810.404
III. Bất động sản đầu tư		240	V.12	27.410.268.741	
<i>Nguyên giá</i>		241		28.782.976.974	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		(1.372.708.233)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		6.646.000.000	24.646.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.13	-	18.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.14	10.396.000.000	10.396.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		259	V.15	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác		260		3.436.363.644	-
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.16	3.436.363.644	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		212.397.408.923	219.286.899.202

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		38.394.041.271	59.351.678.628
I. Nợ ngắn hạn	310		38.320.700.442	59.005.840.077
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	-	11.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.18	23.749.907.859	36.274.200.080
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	14.798.900	42.506.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4.805.114.549	3.652.808.100
5. Phải trả người lao động	315	V.21	5.461.318.845	4.261.904.966
6. Chi phí phải trả	316		57.500.000	51.750.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	3.299.242.735	2.042.764.482
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	932.817.554	1.679.905.949
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		73.340.829	345.838.55
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	73.340.829	345.838.551
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

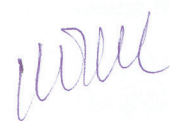
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.003.367.652	159.935.220.574
I.	Vốn chủ sở hữu	410		174.003.367.652	159.935.220.574
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	102.703.780.000	102.703.780.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	9.220.495.600	9.220.495.600
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(1.414.603.444)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	30.923.042.906	1.050.329.204
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	4.781.382.807	3.639.428.267
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	27.789.269.783	43.321.187.503
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	Nguồn kinh phí	432		-	-
	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		212.397.408.923	219.286.899.202

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

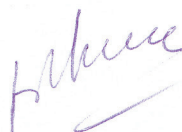
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			2.240.050.362	1.718.106.204
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		V.26	421.976.000	
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			-	1.014,80
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Nga
Kế toán trưởng



Cao Văn Phát
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

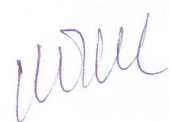
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.	1.794.618.599.586	1.397.169.961.178
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.794.618.599.586	1.397.169.961.178
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.730.285.057.813	1.295.697.618.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.333.541.773	101.472.342.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.589.193.320	11.413.633.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	669.665.182	505.036.543
Trong đó: chi phí lãi vay	23		590.667.285	505.036.543
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	30.692.667.098	28.013.860.617
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.918.131.854	11.630.379.567
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.642.270.959	72.736.699.197

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	522.187.273	596.852.990
12.	Chi phí khác	32	VI.8	31.004.215	349.832.784
13.	Lợi nhuận khác	40		491.183.058	247.020.206
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.133.454.017	72.983.719.403
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	9.623.043.998	17.840.889.571
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.510.410.019	55.142.829.832
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.874	5.369

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Nga
Kế toán trưởng




Cao Văn Phát
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.133.454.017	72.983.719.403
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10,12	2.411.399.820	1.995.104.081
- Các khoản dự phòng	03	V.6	202.170.450	67.518.310
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.258.693.341)	(11.095.638.449)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	590.667.285	505.036.543
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.078.998.231	64.455.739.888
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.916.867.293)	13.622.562.330
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		37.145.970.926	282.500.674
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.428.929.640)	(3.967.935.261)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(936.363.644)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(590.667.285)	(497.008.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(10.772.722.175)	(22.397.293.840)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VII.1	1.950.828.801	201.895.466
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(5.065.076.693)	(5.876.735.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.465.171.228	45.823.724.951

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

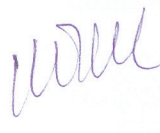
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(40.026.551.204)	(40.913.571.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.3, VI.1	28.627.727.113	333.136.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(42.330.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	5.000.000.000	7.330.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		24.290.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	10.493.077.401	10.814.332.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.384.253.310	(64.766.102.613)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(1.414.603.444)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	63.471.900.000	100.699.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(74.471.900.000)	(94.967.100.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(10.289.274.400)	(18.381.338.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 40			(22.703.877.844)	(12.648.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.145.546.694	(31.591.215.662)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46.038.019.691	77.629.235.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm			73.183.566.385	46.038.019.691

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012


Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Nga
Kế toán trưởng


Cao Văn Phát
Tổng Giám đốc



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các loại: xăng, dầu, nhớt, khí đốt, bếp gas; Dịch vụ rửa xe, gửi xe các loại; Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu; Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi; Đại lý bảo hiểm; Kinh doanh bất động sản.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 262 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 258 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng, dầu năm 2011 tăng 397,45 tỷ VND tương ứng với khoảng 28,5% so với năm trước là do giá bán tăng và sản lượng tiêu thụ cũng tăng ở hầu hết các loại sản phẩm xăng dầu.

Vào tháng 11 năm 2011, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn Công ty con 100% vốn - Công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Tân Phú. Lợi nhuận thu được từ chuyển nhượng Công ty con là 6.211.098.545 VND.

Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản, mua quyền sử dụng đất và mở rộng các trạm kinh doanh xăng dầu. Trong năm Công ty đã đưa vào hoạt động kinh doanh trạm xăng số 24 trực thuộc Cửa hàng số 3 tại địa chỉ 64 Lũy Bán Bích, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

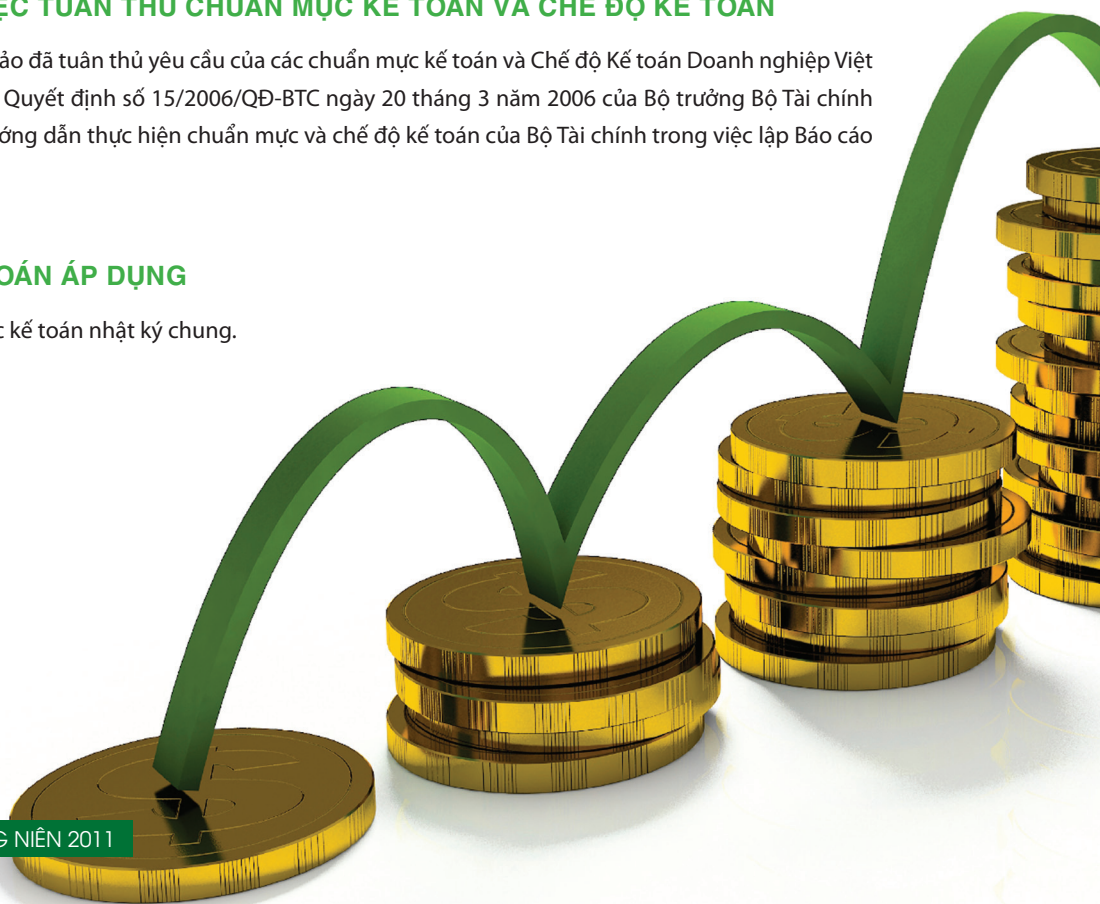
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU THƯƠNG MẠI VÀ PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

* Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

6. TÀI SẢN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đến hết thời hạn của quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 30
Quyền sử dụng đất	48 - 50

9. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tiền thuê mặt bằng trả trước

Trả trước tiền thuê mặt bằng để sản xuất kinh doanh được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để mở rộng trạm kinh doanh xăng dầu. Chi phí này được phân bổ trong 10 năm.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ THƯƠNG MẠI VÀ PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. TRÍCH LẬP QUỸ DỰ PHÒNG TRỢ MẤT VIỆC LÀM VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. NGUỒN VỐN KINH DOANH

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. CỔ TỨC

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty với mức trích lập hàng năm là 10% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

31/12/2011: 20.828 VND/USD

20. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định bằng một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, các tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.636.910.192	5.747.806.028
Tiền gửi ngân hàng	8.546.656.193	5.290.213.663
Các khoản tương đương tiền	58.000.000.000	35.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	73.183.566.385	46.038.019.691

2. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Tân Phú vay theo lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	5.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần địa ốc Đông Á vay với lãi suất từ 14,60% đến 19%/năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	35.000.000.000

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng kinh doanh xăng, dầu	16.655.585.790	13.097.046.965
Phải thu khách hàng kinh doanh dịch vụ và kho bãi	5.928.423	174.231.160
Phải thu khách hàng kinh doanh bất động sản	1.740.000.000	-
Cộng	18.401.514.213	13.271.278.125

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp xây dựng dự án	7.456.730.127	1.848.863.980
Trả trước nhà cung cấp xăng, dầu	700.737.302	451.107.251
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	621.695.000	464.599.900
Cộng	8.779.162.429	2.764.571.131

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	10.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	605.888.827	249.666.666
Phải thu lãi cho vay	439.166.677	516.476.667
Các khoản phải thu khác	131.442.960	169.709.871
Cộng	1.176.498.464	945.853.204

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		169.643.550
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		80.710.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	250.110.000	414.369.200
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	331.400.000	
Cộng	581.510.000	664.722.750

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	664.722.750	597.204.440
Trích lập dự phòng bổ sung	202.170.450	67.518.310
Xử lý xóa nợ	(285.383.200)	-
Số cuối năm	581.510.000	664.722.750

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	924.469.626	34.303.341.366
Nguyên liệu, vật liệu	70.382.419	72.924.054
Công cụ, dụng cụ	2.458.184	540.000
Hàng hóa	7.379.308.000	11.145.783.735
Cộng	8.376.618.229	45.522.589.155

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	162.606.211	137.540.034
Tài sản thiếu chờ xử lý	156.685.088	16.750.954
Cộng	319.291.299	154.290.988

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.958.746.996	7.723.217.359	1.930.052.374	2.192.857.302	30.804.874.031
Mua sắm mới trong năm	2.214.458.727	245.454.546	-	85.052.000	2.544.965.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.009.024	-	-	-	5.009.024
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.699.466.295)	-	-	-	(1.699.466.295)
Số cuối năm	19.478.748.452	7.968.671.905	1.930.052.374	2.277.909.302	31.655.382.033
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.440.768.991	6.520.885.293	-	1.414.858.320	12.376.512.604
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.369.565.984	6.931.598.370	434.436.322	1.700.160.691	19.435.761.367
Khấu hao trong năm	1.041.742.402	160.335.833	213.449.496	128.632.550	1.544.160.281
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.072.521.772)	-	-	-	(1.072.521.772)
Số cuối năm	10.338.786.614	7.091.934.203	647.885.818	1.828.793.241	19.907.399.876
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.589.181.012	791.618.989	1.495.616.052	492.696.611	11.369.112.664
Số cuối năm	9.139.961.838	876.737.702	1.282.166.556	449.116.061	11.747.982.157
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất
Số đầu năm	13.671.826.095
Tăng từ xây dựng cơ bản	8.739.054.977
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(14.722.985.499)
Số cuối năm	7.687.895.573
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	571.852.665

Khấu hao trong năm	367.369.146
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(228.011.892)
Số cuối năm	711.209.919
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	13.099.973.430
Số cuối năm	6.976.685.654

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	23.703.110.404	37.481.585.931	(44.614.406.894)	(82.068.200)	16.488.221.241
- Công trình 146E Nguyễn Đình Chính	213.672.923	676.474.845	-	-	890.147.768
- Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	85.719.091	802.909.091	-	-	888.628.182
- Công trình 183/4 Trường Chinh	3.135.885.593	17.272.718	(3.142.158.311)	(11.000.000)	-
- Công trình 185 Bến Chương Dương	8.702.319.969	43.420.800	(8.731.440.769)	(14.300.000)	-
- Công trình 94 Calmette	11.258.002.776	74.144.699	(11.313.557.475)	(18.590.000)	-
- Công trình 116 Lê Đại Hành	4.266.513	2.032.994.428	(2.037.260.941)	-	-
- Công trình 1275E đường 3 tháng 2	4.333.536	2.059.989.339	(2.064.322.875)	-	-
- Công trình 525 Trần Hưng Đạo	9.876.053	9.227.618.107	(9.227.618.107)	(9.876.053)	-
- Công trình 31 Nguyễn An Khương	20.002.613	8.076.296.207	(8.085.425.184)	(10.873.636)	
- Công trình 532 Trần Hưng Đạo	17.680.093	7.119.386.679	-	(8.941.818)	7.128.124.954
- Công trình 493 Hồng Bàng	8.486.693	6.436.889.335	-	(8.486.693)	6.436.889.335
Các công trình khác	242.864.551	914.189.683	(12.623.232)	-	1.144.431.002
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.536.700.000	-	-	(2.500.000.000)	36.700.000
Cộng	26.239.810.404	37.481.585.931	(44.614.406.894)	(2.582.068.200)	16.524.921.241

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình	14.722.985.499	1.699.466.295	16.422.451.794
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	35.870.342.893	-	35.870.342.893
Nhượng bán	(23.187.156.555)	(322.661.158)	(23.509.817.713)
Số cuối năm	27.406.171.837	1.376.805.137	28.782.976.974
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình	228.011.892	1.072.521.772	1.300.533.664
Khấu hao trong năm	457.758.568	42.111.825	499.870.393
Nhượng bán	(181.973.880)	(245.721.944)	(427.695.824)
Số cuối năm	503.796.580	868.911.653	1.372.708.233
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	26.902.375.257	507.893.484	27.410.268.741

Các bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá để bán. Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	1.334.109.089	-
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	635.509.557	-
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty con - Công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Tân Phú.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần cà phê Petec	29.200	296.000.000	29.200	296.000.000
- Công ty Cổ phần năng lượng Đại Việt	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	625.000	10.000.000.000	625.000	10.000.000.000
Cộng		10.396.000.000		10.396.000.000

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.750.000.000	3.750.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	3.750.000.000	3.750.000.000

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê mặt bằng trả trước	-	1.624.545.455	(438.181.811)	1.186.363.644
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	-	2.500.000.000	(250.000.000)	2.250.000.000
Cộng	-	4.124.545.455	(688.181.811)	3.436.363.644

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ (lãi suất năm 2011 từ 17% đến 19%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.000.000.000	5.267.500.000
Số tiền vay phát sinh	63.471.900.000	100.699.600.000
Số tiền vay đã trả	(74.471.900.000)	(94.967.100.000)
Số cuối năm	-	11.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp xăng, dầu	22.914.295.100	34.979.644.400
Các nhà cung cấp khác	835.612.759	1.294.555.680
Cộng	23.749.907.859	36.274.200.080

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước hoạt động kinh doanh xăng, dầu.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.106.890.143	(6.562.013.292)	1.544.876.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.531.111.492	9.623.043.998	(10.772.722.175)	381.433.315
Thuế thu nhập cá nhân	102.273.508	1.029.868.553	(1.007.914.377)	124.227.684
Thuế nhà đất	2.010.119.784	3.589.804.154	(2.854.650.555)	2.745.273.383
Thuế môn bài	-	38.000.000	(38.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.303.316	-	-	9.303.316
Cộng	3.652.808.100	22.387.606.848	(21.235.300.399)	4.805.114.549

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Kinh doanh xăng, dầu, chuyển nhượng bất động sản	10 %
Dịch vụ vận chuyển, điện, nước	5 %

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.133.454.017	72.983.719.403
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	593.850.795	332.306.339
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.235.128.820)	(1.952.467.459)
Thu nhập tính thuế	38.492.175.992	71.363.558.283
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.623.043.998	17.840.889.571

THUẾ NHÀ ĐẤT

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quỹ lương của Công ty được xây dựng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 52/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 01 năm 2011 tính dựa trên thu nhập bình quân của người lao động 7.370.000 VND/người/tháng và bổ sung quỹ lương năm 2011 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 49/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2012 với số tiền là 1.652.236.187 VND. Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả công nhân viên.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	352.187.904	231.810.398
Bảo hiểm xã hội	26.595.484	39.929.493
Bảo hiểm y tế	359.613	625.599
Bảo hiểm thất nghiệp	313.143	694.510
Kinh phí công đoàn	302.243.191	248.924.522
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.594.322.000	1.123.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.221.400	397.579.960
Cộng	3.299.242.735	2.042.764.482

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	707.210.617	1.783.909.079	54.926.801	(2.291.160.073)	254.886.424
Quỹ phúc lợi	924.295.332	1.141.954.540	-	(1.408.647.620)	657.602.252
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	48.400.000	831.417.878	-	(859.489.000)	20.328.878
Cộng	1.679.905.949	3.757.281.497	54.926.801	(4.559.296.693)	932.817.554

24. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	345.838.551	278.393.366
Số trích lập bổ sung	73.340.829	200.922.444
Số đã chi	(345.838.551)	(133.477.259)
Số cuối năm	73.340.829	345.838.551

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CỔ TỨC: Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức của các năm trước	18.896.400	-
Trả cổ tức năm 2010 (6% mệnh giá)	6.162.226.800	8.110.960.000
Tạm ứng cổ tức 2011 (4% mệnh giá)	4.108.151.200	10.270.378.000
Cộng	10.289.274.400	18.381.338.000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.270.378	10.270.378
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.270.378	10.270.378
- Cổ phiếu phổ thông	10.270.378	10.270.378
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	56.640	-
- Cổ phiếu phổ thông	56.640	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.213.738	10.270.378
- Cổ phiếu phổ thông	10.213.738	10.270.378
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Nợ khó đòi đã xử lý	421.976.000	-
Số cuối năm	421.976.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.756.087.410.913	1.314.536.591.324
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.140.524.461	864.200.112
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.022.937.099	6.495.258.334
Doanh thu kinh doanh bất động sản	30.367.727.113	75.273.911.408
Doanh thu thuần	1.794.618.599.586	1.397.169.961.178

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.706.517.064.443	1.260.253.992.331
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	685.871.481	-
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	23.082.121.889	35.443.626.470
Cộng	1.730.285.057.813	1.295.697.618.801

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.155.742.738	7.872.894.993
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	535.100.778	306.944.390
Lãi tiền cho vay	5.371.118.014	1.280.321.773
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.235.128.820	1.952.467.459
Lãi chuyển nhượng công ty con	6.290.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.102.970	1.004.932
Cộng	17.589.193.320	11.413.633.547

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	590.667.285	505.036.543
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.442	-
Chi phí chuyển nhượng vốn	78.901.455	-
Cộng	669.665.182	505.036.543

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.974.358.596	17.107.682.858
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.293.823	417.444.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.725.528.339	1.995.104.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.508.620.557	7.157.523.326
Chi phí khác	1.364.865.783	1.336.106.001
Cộng	30.692.667.098	28.013.860.617

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.380.682.324	6.679.946.574
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.726.543	93.408.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.614.553.894	1.553.414.042
Xử lý kiểm kê hàng hóa trong năm	(3.449.288.974)	(2.082.710.500)
Chi phí khác	6.324.458.067	5.386.321.175
Cộng	11.918.131.854	11.630.379.567

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	333.136.364
Thu tiền lãi phạt do chậm trả	38.124.904	108.524.658
Các khoản nợ không xác định được chủ	347.897.718	-
Thu nhập khác	136.164.651	155.191.968
Cộng	522.187.273	596.852.990

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	343.182.140
Thuế bị phạt, bị truy thu	31.004.215	1.150.644
Chi phí khác	-	5.500.000
Cộng	31.004.215	349.832.784

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.510.410.019	55.142.829.832
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.510.410.019	55.142.829.832
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.269.227	10.270.378
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.874	5.369

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.270.378	8.108.615
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(1.151)	-
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng năm 2010	-	2.161.763
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.269.227	10.270.378

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.020.366	510.852.627
Chi phí nhân công	26.355.040.920	23.787.629.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.411.399.820	1.995.104.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.673.885.477	6.628.226.868
Chi phí khác	7.689.323.850	6.722.427.176
Cộng	43.296.670.433	39.644.240.184

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. TIỀN THU KHÁC TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu nhận ký quỹ ngắn hạn trong năm	1.895.902.000	95.120.000
Thu khác từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	54.926.801	106.775.466
Cộng	1.950.828.801	201.895.466

2. TIỀN CHI KHÁC CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
Chi ký quỹ ngắn hạn	-	923.840.200
Chi hoàn trả các khoản nhận ký quỹ	476.780.000	145.650.000
Chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.588.296.693	4.796.245.341
Chi từ thặng dư vốn cổ phần	-	11.000.000
Cộng	5.065.076.693	5.876.735.541

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. ÁP DỤNG QUI ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	945.344.273	817.428.690
Phụ cấp	53.821.249	42.247.860
Tiền thưởng, thù lao	1.434.452.402	1.266.420.531
Các khoản khác	419.726.715	336.710.116
Cộng	2.853.344.639	2.462.807.197

3. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh xăng, dầu.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh xăng, dầu	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
NĂM NAY				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.756.087.410.913	38.531.188.673	-	1.794.618.599.586
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.756.087.410.913	38.531.188.673	-	1.794.618.599.586
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.093.956.115	12.628.786.706	-	21.722.742.821
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				21.722.742.821
Doanh thu hoạt động tài chính				17.589.193.320
Chi phí tài chính				(669.665.182)
Thu nhập khác				522.187.273
Chi phí khác				(31.004.215)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.623.043.998)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-

	Kinh doanh xăng, dầu	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				29.510.410.019
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.858.608.805	36.792.487.854	-	41.651.096.659
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.975.528.338	1.124.053.293	-	3.099.581.631
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	73.340.829	-	-	73.340.829
NĂM TRƯỚC				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.314.536.591.324	82.633.369.854	-	1.397.169.961.178
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.314.536.591.324	82.633.369.854	-	1.397.169.961.178
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.568.676.644	46.259.425.549	-	61.828.102.193
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				61.828.102.193
Doanh thu hoạt động tài chính				11.413.633.547
Chi phí tài chính				(505.036.543)
Thu nhập khác				596.852.990
Chi phí khác				(349.832.784)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(17.840.889.571)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				55.142.829.832
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.386.672.628	30.526.898.907		40.913.571.535
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.511.436.469	483.667.612	-	1.995.104.081
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	268.440.754	-	-	268.440.754

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh xăng, dầu	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
SỐ CUỐI NĂM				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	122.354.044.515	53.397.364.408	-	175.751.408.923
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				36.646.000.000
Tổng tài sản				212.397.408.923
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	37.461.223.717			37.461.223.717
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				932.817.554
Tổng nợ phải trả				38.394.041.271
SỐ ĐẦU NĂM				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	125.357.638.010	34.283.261.192	-	159.640.899.202
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				59.646.000.000
Tổng tài sản				219.286.899.202
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	57.671.772.679	-	-	57.671.772.679
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.679.905.949
Tổng nợ phải trả				59.351.678.628

KHU VỰC ĐỊA LÝ

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	632.923.020	632.923.020
Trên 1 năm đến 5 năm	2.531.692.080	2.531.692.080
Trên 5 năm	11.451.870.480	12.084.793.500
Cộng	14.616.485.580	15.249.408.600

5. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.183.566.385	46.038.019.691	73.183.566.385	46.038.019.691
Phải thu khách hàng	17.820.004.213	12.606.555.375	17.820.004.213	12.606.555.375
Các khoản cho vay	30.000.000.000	35.000.000.000	30.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.045.055.504	766.143.333	1.045.055.504	766.143.333
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.646.000.000	6.646.000.000	6.646.000.000	6.646.000.000
Cộng	128.694.626.102	101.056.718.399	128.694.626.102	101.056.718.399
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Vay và nợ	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Phải trả cho người bán	23.749.907.859	36.274.200.080	23.749.907.859	36.274.200.080
Các khoản phải trả khác	2.725.162.829	1.520.788.551	2.725.162.829	1.520.788.551
Cộng	26.475.070.688	48.794.988.631	26.475.070.688	48.794.988.631

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay và các khoản phải thu khác, phải trả cho người bán, vay và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và cũng không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

6. TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Đồng thời hàng tháng Hội đồng quản trị đều có tiến hành họp để xem xét việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến các khách hàng hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tập trung đối với khoản phải thu là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Công ty gửi tiền tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

KHOẢN CHO VAY

Công ty cho đơn vị khác vay tiền với thời hạn ngắn. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

8. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Hội đồng quản trị cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
SỐ CUỐI NĂM			
Phải trả cho người bán	23.749.907.859	-	23.749.907.859
Các khoản phải trả khác	2.651.822.000	73.340.829	2.725.162.829
Cộng	26.401.729.859	73.340.829	26.475.070.688
SỐ ĐẦU NĂM			
Vay và nợ	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Phải trả cho người bán	36.274.200.080	-	36.274.200.080
Các khoản phải trả khác	1.174.950.000	345.838.551	1.520.788.551
Cộng	48.449.150.080	345.838.551	48.794.988.631

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá khác (giá hàng hóa).

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá cả hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu


Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định về đầu tư vào cổ phiếu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá cổ phiếu đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

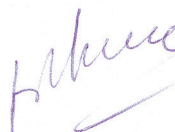
Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua hàng hóa từ các nhà cung cấp đã được định sẵn. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và các qui định liên quan đến loại hàng hóa đặc thù của Công ty cũng như thực hiện ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm nhằm quản lý thời điểm mua hàng, mức hàng tồn kho một cách hợp lý và có hiệu quả.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012




Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Nga
Kế toán trưởng



Cao Văn Phát
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

CƠ SỞ Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiêm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn tại thời điểm ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

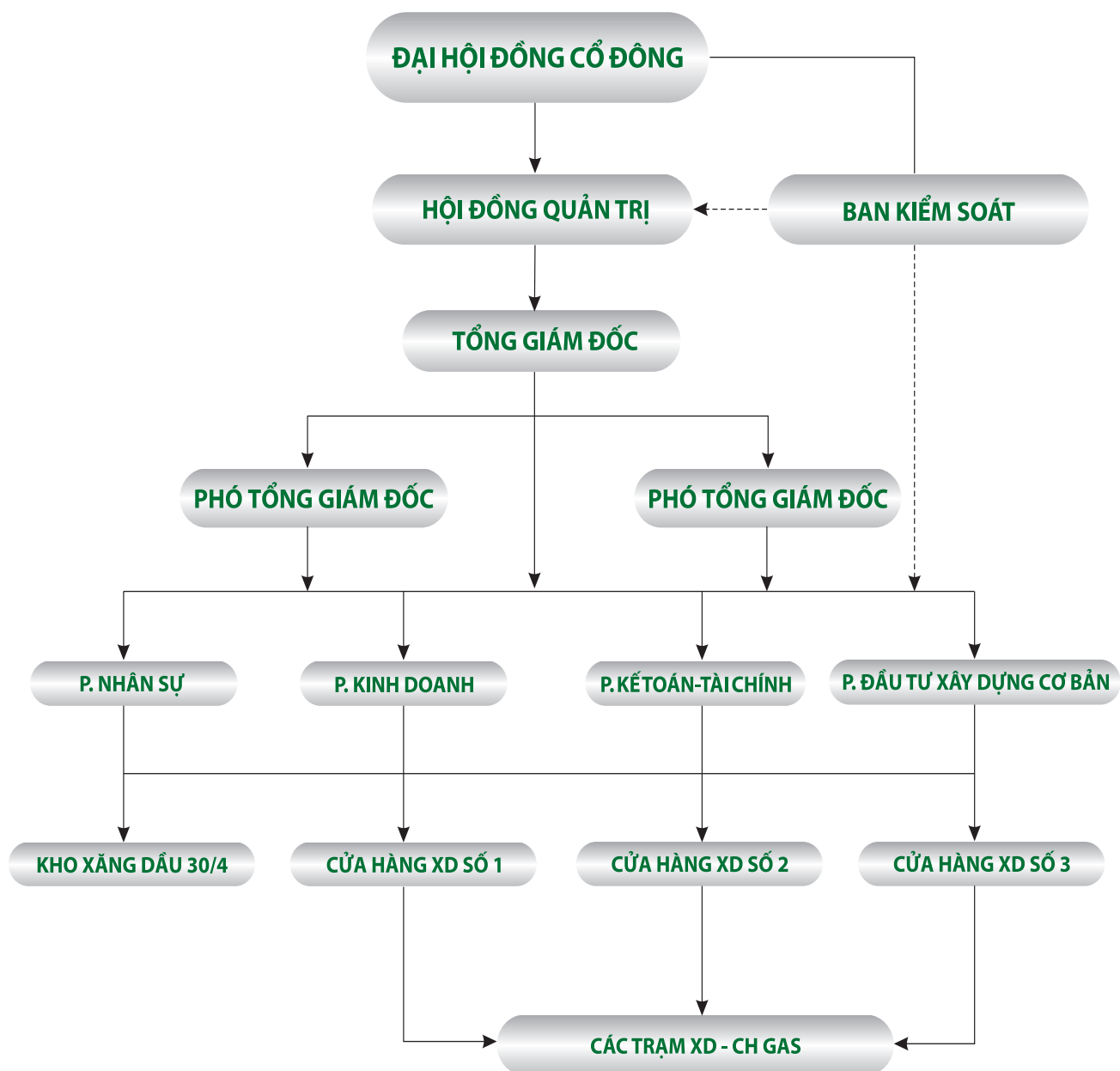


Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV



I. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA SFC:



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

II. LÝ LỊCH TÓM TẮT CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



CAO VĂN PHÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương,
Cử nhân Luật - Đại học Luật



NGUYỄN THANH CHÁNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế - Đại học Xây Dựng



PHAN NGỌC HÙNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế



VÕ THỊ THU - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán Đại học Kinh tế

III. THU NHẬP (LƯƠNG, THƯỞNG) CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

1. Thu nhập bình quân 1 tháng của Tổng Giám Đốc: 47.347.549 đ/tháng
2. Thu nhập bình quân 1 tháng của Phó Tổng Giám Đốc: 31.626.248 đ/tháng

IV. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

1. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN:

Tính đến ngày 31/12/2011 tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty SFC là: 262 người.

2. MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN:

Năm 2010: 7.287.828 đồng/người/tháng

Năm 2011: 7.895.520 đồng/người/tháng

3. CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Cùng với việc đảm bảo cổ tức cho cổ đông, Công ty đặc biệt quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xem đây là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp, chất lượng phục vụ và xây dựng giá trị thương hiệu. Từ nhiều năm nay, Công ty đã tập trung đầu tư cho công tác đào tạo với nhiều hình thức khác nhau như: Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, tại chức, tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng bán hàng, kiến thức văn hóa doanh nghiệp,... Đồng thời, Công ty cũng rất chú trọng đến việc nâng cao thu nhập, thực hiện chế độ lương, thưởng công bằng, hợp lý và quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức nghỉ mát, tổ chức Lễ trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con của CBNV có thành tích học tập tốt, thực hiện Quỹ tương trợ trong nội bộ Công Ty để giúp đỡ chăm lo cho anh em CBNV khi gặp khó khăn,... thông qua đó đã xây dựng được tinh thần tương thân tương ái trong ngôi nhà SFC.



THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

I. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH	Chủ tịch
- Năm sinh:	1972
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Kinh tế
Ông CHÂU VĂN CHƠN	Phó Chủ tịch
- Năm sinh:	1962
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân Luật
Ông CAO VĂN PHÁT	Thành viên
- Năm sinh:	1959
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương, Cử nhân Luật - Đại học Luật
Ông NGUYỄN THANH CHÁNH	Thành viên
- Năm sinh:	1953
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng - Đại học Xây Dựng.
Bà ĐẶNG THỊ LÀI	Thành viên
- Năm sinh:	1967
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh Tế

2. BAN KIỂM SOÁT:

Ông PHẠM TRẦN HIỂN	Trưởng Ban
- Năm sinh:	1965
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Bà LÊ THỊ THU VÂN	Thành viên
- Năm sinh:	1965
- Trình độ văn hoá:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán - Đại học Kinh Tế

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT :

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã thiết lập cơ chế họp định kỳ hàng tháng để xây dựng định hướng phát triển, xây dựng và hoạch định chiến lược, ấn định các mục tiêu kinh doanh, tài chính giao cho Ban điều hành. Trong năm 2011 Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 cuộc họp thường kỳ và bất thường. Trong những buổi họp của HĐQT có sự tham gia của Ban điều hành (Ban Tổng Giám Đốc SFC và Giám Đốc TFC), Hội đồng Quản trị xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn. Nhìn chung, HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Sinh hoạt của Ban Kiểm soát:

a) Định kỳ mỗi quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp để thông báo tình hình kinh doanh, tài chính, các hoạt động đầu tư và hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ban Kiểm soát trong quý sau.

b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị; đồng thời cử đại diện tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của Ban Tổng Giám đốc; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế của Công ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

c) Năm 2011 Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện một số công việc như sau:

- Kiểm tra, theo dõi tình hình công nợ của các khách hàng, đôn đốc các bộ phận có liên quan tập trung thu hồi nợ, giảm nhanh số dư nợ nhằm giảm chi phí lãi vay; đảm bảo an toàn vốn.
- Kiểm tra và góp ý chính sách mua hàng của Công ty theo từng giai đoạn kinh doanh.
- Kiểm tra công tác quản lý xây dựng cơ bản.
- Đóng góp ý kiến về các Hợp đồng hợp tác Kinh doanh, hợp đồng thiết kế xây dựng.
- Tham gia, đóng góp ý kiến về việc triển khai phần mềm Quản lý - Kế toán - Nhân sự.
- Tham gia đóng góp ý kiến về việc phát triển Trạm xăng dầu.
- Kiểm tra số liệu và góp ý công tác quản lý tại Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con).
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm 2011 của Công ty SFC; quý và 9 tháng đầu năm 2011 của Công ty con (Cty TNHH MTV Chế biến Gỗ Tân Phú) và báo cáo hợp nhất. Xem xét các báo cáo kiểm toán.

d) Tham gia kiểm soát chào thầu và đấu giá một số tài sản.

Nhận xét về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Ban Kiểm soát đã tổ chức thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 của Cty CP Nhiên liệu Sài Gòn (đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn - A&C thực hiện kiểm toán);

Nhận xét và kết luận: Các số liệu được nêu trong Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn (SFC) tại thời điểm 31/12/2011 tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Nhìn chung các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty quy định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất (20 lần), đã ban hành 20 Nghị quyết và 17 Quyết định thuộc thẩm quyền. Hàng tuần, Ban Tổng Giám Đốc đều tổ chức họp giao ban với các Trưởng Phòng và hàng quý họp giao ban mở rộng đến Trưởng các Đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Ban Kiểm soát được cung cấp tài liệu đầy đủ và được mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám Đốc chủ trì để giám sát, tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan đến hoạt động Cty. Đồng thời Ban Kiểm soát cũng thường xuyên phản hồi thông tin đến HĐQT và Ban TGD về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định pháp lý, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

Nhìn chung, những ý kiến đóng góp và phản hồi thông tin của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý về các hoạt động kinh doanh, đầu tư, về công tác quản lý, đều được trao đổi công khai và nghiêm túc.

3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2011

Tiền thù lao của HĐQT, BKS : 756.000.000 đồng

Bình quân:

- Hội đồng Quản trị: 7.677.188 đ/người/tháng
- Ban Kiểm Soát: 6.007.306 đ/người/tháng

4. THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT, CỔ ĐÔNG LỚN:

Trong năm 2011, một thành viên BTGD thực hiện giao dịch cổ phiếu với số lượng: 25.000 cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

III. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG (CHỐT NGÀY 14/03/2012)

1. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ %
- Cổ đông trong nước	9.971.431	99.714.310.000	97,09%
+ Tổ Chức	7.524.241	75.242.410.000	73,26%
+ Cá nhân:	2.447.190	24.471.900.000	23,83%
Trong đó: CBCNV Công ty	520.600	5.206.000.000	5,07%
- Cổ đông nước ngoài	298.947	2.989.470.000	2,91%
+ Tổ Chức	13.745	137.450.000	0,13%
+ Cá nhân	285.202	2.852.020.000	2,78%
TỔNG CỘNG	10.270.378	102.703.780.000	100%

2. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty Vàng bạc Đá Quý Phú Nhuận	170E Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Phú Nhuận, TP HCM	5.134.708	49,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.054.280	20,00%
Tổng cộng			7.188.988	69,99%

SFC DÀNH HƠN 300 TRIỆU ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NĂM 2011

SFC không chỉ quan tâm đến hoạt động sản xuất kinh doanh, mà Công ty luôn đẩy mạnh các hoạt động mang tính cộng đồng nhằm chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn, những trẻ em cơ nhỡ không nơi nương tựa, học sinh nghèo khó khăn vượt khó học giỏi, chăm lo phụng dưỡng, tặng quà cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình diện chính sách,...



Tổng số tiền dành cho các hoạt động xã hội năm 2011 là hơn 300 triệu đồng qua các hoạt động tiêu biểu như:

- * Ủng hộ Quỹ Hội Khuyến học và trao tặng 50 phần quà cho các cháu học sinh trường Tiểu Học Lãn Nhì Thành - H.Phong Thổ - Tỉnh Lai Châu.
- * Ủng hộ tiền cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt, góp Quỹ "Vi Trường Sa Thân Yêu, Vi Tuyển Đầu Tổ Quốc".
- * Tiếp tục phụng dưỡng 6 Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng tại tỉnh Quảng Ngãi và huyện Củ Chi - TP.HCM.
- * Hỗ trợ cho câu lạc bộ Hưu trí.
- * Hỗ trợ kinh phí chăm lo đón Tết Nguyên Đán 2012 cho Hộ dân nghèo ở các Phường 8 Q.Phú Nhuận, Phường Hiệp Bình Chánh - Q.Thủ Đức, Xã Mỹ Tân, Xã Bình Thành - Tỉnh Đồng Tháp.
- * Hỗ trợ kinh phí CĐ VCTP tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi đạt danh hiệu xuất sắc trong "Đêm hội trăng rằm 2011".

CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



Ông Cao Văn Phát – TGD nhận danh hiệu
“Doanh Nghiệp SG Tiêu Biểu 2011”



Cúp Doanh Nghiệp Sài Gòn
Tiêu Biểu 2011



Cúp vàng Thương Hiệu Việt
Năm 2011



Cúp Top 50 Ngôi Sao Kinh Doanh
Tiêu Biểu Năm 2011



Ngày hội Tết Doanh Nhân lần IV - 2012

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN – CÔNG TÁC XÃ HỘI



Ủng hộ Hội Khuyến học và trao tặng 50 phần quà cho các cháu Học sinh trường Tiểu Học Lãn Nhì Thành Huyện Phong Thổ – Tỉnh Lai Châu

Tặng quà cho Mẹ VN Anh Hùng và Gia đình chính sách tại Huyện A Lưới, Tỉnh Quảng Trị



Chăm lo Tết Nguyên Đán cho Mẹ VN Anh Hùng và Gia đình diện chính sách tại Huyện Củ Chi

Họp mặt CLB Hưu Trí cuối năm 2011



HOẠT ĐỘNG VĂN THỂ MỸ



Hội thao truyền thống do CĐ VPTU tổ chức chào mừng ngày 30/4 & 1/5

Hội thi "Kỷ niệm 81 năm Ngày Truyền Thống văn phòng Cấp Ủy"





Vững bước cùng bạn



Vững bước cùng bạn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

1A Phạm Ngọc Thạch, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: 38241520 - 38274171 - 38225672 Fax: 38241521

Email: info@sfc.com.vn - Website: www.sfc.com.vn